10:17 B8-R3-1

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B08 | Round 3 | Date 23/08/26 | Board 1

WHITE Meng, Xiangyi | FED HKG | RESULT (W) 1
BLACK Liu, Yizhi | FED CHN | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	c7	Qe8	41	gf	Rxa7	61		
2	Nf3	Nc6	22	Nd5	Rf6	42	Bxa7	g5	62		
3	d4	cd	23	Nxe7	Qxe7	43	b4	h5	63		
4	Nxd4	Nf6	24	Qb8	Rxb6	44	b5	g4	64		
5	Nc3	e5	25	cxb8=Q	Bb7	45	b6	gf	65		
6	Nb5	d6	26	Rac1	Rd5	46	b7	f2	66		
7	Nd5	Nxd5	27	Rc7	Qf1	47	Bxf2	Kg6	67		
8	ed	Nb8	28	Rc8	Bg8	48	b8=Q	Kh6	68		
9	c4	Be7	29	Rxf8	Qb6	49	Qf6+	Kg5	69		
10	Bb3	a5	30	Rxg8	Qxg8	50	Kg1	Kh7	70		
11	Nc3	0-0	31	Qxg8	Kxg8	51	Qg7#		71		
12	0-0	f5	32	Bxa5	d5	52			72		
13	f3	Nd7	33	Bb3	Re6	53			73		
14	Kh1	Nb6	34	a4	Rf8	54			74		
15	Be3	f4	35	a5	e4	55			75		
16	Bf2	Rf6	36	fe	de	56			76		
17	Qb3	Nd7	37	Rxe4	Rxe4	57			77		
18	c5	Kh8	38	d6	Ra4	58			78		
19	c6	bc	39	a7	Kf7	59			79		
20	dc	Nf8	40	Re1	f3	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Meng | SIGNATURE (BLACK) Liu Yizhi | SIGNATURE (ARBITER)

10:17 B8-R3-1

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 3 | Date 20260823 | Board 1

WHITE Meng, Xiangyi | FED | RESULT (W) 1
BLACK Liu Yizhi | FED | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nd5	Ra6	41	Ba7	g5	61		
2	Nf3	Nc6	22	Ra7	Qa7	42	b4	h5	62		
3	d4	cd	23	Qb8	Rb8	43	b5	g4	63		
4	Nd4	Nf6	24	Cb8	Bb7	44	b6	g3	64		
5	Nc3	e5	25	Rad1	Bd5	45	b7	g2	65		
6	Nb5	d6	26	Rc7	Qf6	46	Bf2	Kg6	66		
7	Nd5	Nd5	27	Rd1	Bg8	47	b8=Q	Kh6	67		
8	ed	Nb8	28	Rd1	Qd6	48	Qf8	Kg8	68		
9	c4	Be7	29	Rb1	Qb1	49	Rg1	Kh7	69		
10	Be3	a6	30	Qb1	Kb1	50	Rg7#		70		
11	Nf3	0-0	31	Ba6	d5	51			71		
12	0-0	f5	32	Bb3	[illegible]	52			72		
13	f3	Nd7	33	d4	Re8	53			73		
14	Kh1	Nb6	34	d5	e4	54			74		
15	Be3	f4	35	Cd	ed	55			75		
16	Qb3	Nd7	36	Be4	Re4	56			76		
17	c5	Kh8	37	a6	Rd4	57			77		
18	c6	bc	38	d7	Kg7	58			78		
19	dc	Nc8	39	Rd1	f3	59			79		
20	c7	Qd8	40	gf	Ra7	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Meng | SIGNATURE (BLACK) Liu Yizhi | SIGNATURE (ARBITER)

11:34 B8-R3-2

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U8 | Round 3 | Date 20268.23 | Board 2

WHITE Yu xiao tong | FED CHN | RESULT (W) 1
BLACK Choi Jaeha | FED KOR | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Nh4	Bc2	41	Re5	Kg7	61		
2	Nf3	Nc6	22	Ng6	Rd1	42	h5	Kf6	62		
3	Nc3	Nf6	23	Ne7	Be7	43	h4	f4	63		
4	a3	a5	24	Re7	Ba4	44	Rg6	Re7	64		
5	Bb5	Ne4	25	Rc7	Bc6	45	Ke4	Bd7	65		
6	Ne5	Qd6	26	Re7	Kf8	46	Re5		66		
7	Nf3	Be6	27	Re1	Rd6	47			67		
8	D-9 Re1	~~Be6~~ ~~Rd6~~	28	g3	Rf6	48			68		
9	Re1	0-0	29	Kg2	~~Re6~~ Re6	49			69		
10	d4	Rd8	30	h4	c6	50			70		
11	Be3	Ne7	31	Re5	Rf6	51			71		
12	Bd3	Nc3	32	f4	g6	52			72		
13	bc	Nf5	33	Re1	Kg7	53			73		
14	Bg5	Re6	34	Kf3	h5	54			74		
15	Rd8	Rd8	35	Re5	Bd7	55			75		
16	Ne5	Qf6	36	Rb1	Bc6	56			76		
17	h3	Nh4	37	g4	h5	57			77		
18	Nf3	Ng6	38	Rb4	Rd6	58			78		
19	Bg6	Qg6	39	Kf3	Rd7	59			79		
20	Kh1	Bf5	40	Rg1	Kf6	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Yu xiao tong | SIGNATURE (BLACK) Choi Jaeha | SIGNATURE (ARBITER) YZ

11:34 B8-R3-2

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B08 | Round 3 | Date | Board 2

WHITE Yu Xiaotong 4048 | FED CHN | RESULT (W) 1
BLACK Choi Jaeha 3458 | FED KOR | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Ng4	Bxh2	41	Rb6	Kg7	61		
2	Nf3	Nc6	22	Ng6	bxg3	42	~~Re6~~ g6	Kg6	62		
3	Nc3	Nf6	23	Nf4	bxc7	43	gxh6	cxb3	63		
4	h3	d4	24	Rxd7	Bh4	44	Kf6	Rb7	64		
5	Bg4	Nxe4	25	Kxf7	Bf6	45	Kb5	Rg7	65		
6	Nxe4	Qf6	26	Kd7	Kc8	46	Ka6#		66		
7	Nf3	Bg6	27	Ka8	Re6	47			67		
8	0-0	Bd3	28	g7	Kf6	48			68		
9	Re1	0-0	29	Kg2	Kg6	49			69		
10	d3	Rg8	30	h4	h6	50			70		
11	Bd3	Nd2	31	Re1	Kc6	51			71		
12	Bxe3	Nxf3	32	f4	g3	52			72		
13	gxf7	Nc5	33	Rd1	Kg7	53			73		
14	Bg5	Qd3	34	Kf3	h4	54			74		
15	Bxe8	kxe8	35	Rd4	Bc7	55			75		
16	Ne4	Qg6	36	Rg1	Bf3	56			76		
17	Qa3	Ng4	37	g4	hxg4+	57			77		
18	Nf3	Ng6	38	Kxg4	Re3	58			78		
19 Bxg6	~~Bxg6~~ ~~Qxg6~~	Qxg6	39	Kc3	Re7	59			79		
20	Kg1	Bc4	40	Rg1	Kc6	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Yu xiao tong | SIGNATURE (BLACK) Jaeha | SIGNATURE (ARBITER) YZ

9:51 B8-R3-3

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 3 | Date | Board 3

WHITE Wang shengjin | FED CHA | RESULT (W) 1
BLACK Nanear Ruengjirachuporn | FED THA | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bxb7	Rxb7	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Qxf5	Ng8	42			62		
3	d4	cxd4	23	c6	Rb8	43			63		
4	Nxd4	g6	24	c7	Rbc8	44			64		
5	c4	Bg7	25	Rfd1	Ne6	45			65		
6	Be3	Nf6	26	Qxc8	Rxc8	46			66		
7	Nc3	0-0	27	Rd8	Rxd8	47			67		
8	Be2	d6	28	Bc3	Nd7	48			68		
9	0-0	Qc7	29	Rc8	h6	49			69		
10	Rc1	b6	30	Qxd8		50			70		
11	Nd5	Qxd8	31			51			71		
12	Nxf6	dxc6	32			52			72		
13	Bxb6	Qe6	33			53			73		
14	c5	Qe5	34			54			74		
15	f4	Qxe4	35			55			75		
16	Bf3	Qf5	36			56			76		
17	Nxe7	Kh8	37			57			77		
18	Nxf5	gxf5	38			58			78		
19	Bxc6	Rb8	39			59			79		
20	Qc2	Bb7	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Wang shenglin | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER) YZ

9:51 B8-R3-3

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 3 | Date 2026.8.23 | Board 3

WHITE Wang shenglin | FED CHN | RESULT (W) 1
BLACK Ruengjirachuporn Wanchat | FED THA | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bb7	Rb7	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Qf5	Bg8	42			62		
3	d4	cd	23	c6	Rb8	43			63		
4	Nd4	g6	24	c7	Rbc8	44			64		
5	c4	Bg7	25	Rd1	Be6	45			65		
6	Be3	Nf6	26	Qg8	Rxg8	46			66		
7	Nc3	0-0	27	Rd8	Rd8	47			67		
8	Be2	g6	28	Bd3+	Ng8	48			68		
9	0-0	Qc7	29	Rc8	h6	49			69		
10	Rc1	b6	30	Qg8		50			70		
11	Nd5	Qd8	31			51			71		
12	Nxf6+	bc	32			52			72		
13	Bb6	Qb6	33			53			73		
14	c5	Qe5	34			54			74		
15	f4	Qe4	35			55			75		
16	Bf3	Qf5	36			56			76		
17	Ne7	Kh8	37			57			77		
18	Nf5	gf	38			58			78		
19	Bc6	Rb8	39			59			79		
20	Qc2	Bb7	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Wang shenglin | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER) YZ

11:07 B8-R3-4

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U8 | Round 3 | Date 2026.8.23 | Board 4

WHITE Bilguunbayar, Nyamsuren | FED MGL | RESULT (W) 0
BLACK Liu, Haoyang (GD) | FED CHN | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rc1	Rc7	41	Ke3	Bf6	61		
2	Nf3	g6!	22	Bc1	Kf8	42	Kf3	Bh4	62		
3	c4	Bg7	23	Kc4	Ke8	43	Kg2	Kd5	63		
4	Nc3	d5	24	a4	Kd7	44	Kf3	Bg3	64		
5	cxd	Nd5	25	Kb5	f6	45	Bg3	Ke4	65		
6	e4	Nc3	26	ef	ef	46	Kf2	Kf4	66		
7	bc	0-0	27	Kc5	Bf8	47	Kg2	h5	67		
8	Bc4	c5	28	Kd5	Bd6	48	Kf2	h3	68		
9	Be3	Qa5	29	h3	a6	49	Kg1	g5	69		
10	Qd2	cxd	30	f3	b5	50	Kf2	Kg4	70		
11	cxd	Qxd2+	31	ab	ab	51	Kg1	Kg3	71		
12	Kxd2	Nb6	32	Bxb2	Kf4	52	Kf1	Kf3	72		
13	Kc2	Bg4	33	Ba1	Bxb3	53	Kg1	g2	73		
14	e5	Rc8	34	Bxh4	Bf4	54	Kh2	Kf2	74		
15	Kb2	Bf3	35	Bb2	Be5	55	Kh3	g1=Q	75		
16	gf	Ne5	36	Ra7	b2	56	Kh4	Bg4	76		
17	de	Rc4	37	Bb2	Bb2	57			77		
18	Kxb3	Rc8	38	Kxg4	Ke6	58			78		
19	f5	Bh6	39	f4	f5	59			79		
20	Ra7	Rc7	40	Kf3	b5	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Bilguunbayar ☆ | SIGNATURE (BLACK) Liu Haoyang | SIGNATURE (ARBITER)

11:07 B8-R3-4

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 3 | Date 08.23 | Board 4

WHITE Bilguunbayar | FED MGL | RESULT (W) 0
BLACK Liu Haoyang (GD) | FED CHN | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rc1	Rc1	41	Ke3	Bf6	61		
2	Nf3	g6	22	Bc1	Kf8	42	Kf3	Bh4	62		
3	c4	Bg7	23	Kc4	Ke8	43	Kg2	Kd5	63		
4	Nc3	d5	24	a4	Kd7	44	Kf3	Bg3	64		
5	cxd	Nd5	25	Kb5	f6	45	Kg3	Ke4	65		
6	e4	Nc3	26	ef	ef	46	Kf2	Kf4	66		
7	bc	0-0	27	Kc5	Bf8	47	Kg2	h4	67		
8	Bc4	c5	28	Kd5	Bb6	48	Kf2	h3	68		
9	Be3	Qa5	29	h3	ab	49	Kg1	g5	69		
10	Qd2	cd	30	f3	b5	50	Kf2	Kg4	70		
11	cd	Qxd2+	31	ab	ab	51	Kg1	Kg3	71		
12	Kxd2	Nc6	32	Bxb2	b4	52	Kf1	Kf3	72		
13	Kc2	Bg4	33	Bc1	b3	53	Kg1	g2	73		
14	e5	Rac8	34	h4	Bf4	54	Kh2	Kf2	74		
15	Kb2	Bf3	35	Bb2	Be5	55	Kh3	g1=Q	75		
16	gf	Ne5	36	Bc1	b2	56	Kh4	Qg4	76		
17	de	Rc4	37	Bb2	Bb2	57			77		
18	Kb3	Rfc8	38	Ke4	Ke6	58			78		
19	f4	Bh6	39	f4	f5	59			79		
20	Rad1	Rc4	40	Kf3	h5	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Bilguunbayar ☆ | SIGNATURE (BLACK) Liu Haoyang | SIGNATURE (ARBITER)

10:19 B8-R3-5

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 3 | Date 8.27 | Board 5

WHITE Qin Ziming | FED CHN | RESULT (W) 0

BLACK zhongjunrui | FED CHN | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nc2	Ne5	41	ke4	Rf2	61		
2	c4	dc	22	Be5	fe	42	Re1	e2	62		
3	e4	e5	23	Ne3	Rhe8	43	ke3	Rf1	63		
4	Nf3	ed	24	Rfd1	Be6	44	ke2	Re1+	64		
5	Qd4	Qd4	25	Nd5+	B65	45	kel	b2	65		
6	Nd4	Bc5	26	ed	kd6	46	Rd1	b1=Q	66		
7	Nf3	b5	27	Be4	g6	47	Rb1	ab=Q+	67		
8	Nc3	Bd7	28	Rd2	Nf5	48	ke2	Re8+	68		
9	a4	cb	29	Bf5	gf	49	kd2	Qb2+	69		
10	ab	cb	30	f3	e4	50	kd1	Re2	70		
11	Nd5	kd8	31	fe	fe	51	c4	Qc2#	71		
12	Ne5	Be6	32	Re1	a5	52			72		
13	Nc3	f6	33	Re4	e3	53			73		
14	Nf3	Bb4	34	Rd1	b4	54			74		
15	Nd4	Bd7	35	kf1	a4	55			75		
16	Bd2	Bc3	36	ke2	b3	56			76		
17	Bc3	kc7	37	kf3	c3	57			77		
18	Be2	Ne7	38	bc	a3	58			78		
19	0-0	ab	39	Ra1	a2	59			79		
20	Bf3	Nc6	40	Re2	Rf8+	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Qin Ziming | SIGNATURE (BLACK) zhongjunrui | SIGNATURE (ARBITER) 1/2

10:19 B8-R3-5

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 3 | Date 2026/8/23 | Board 5

WHITE Qin Ziming | FED China | RESULT (W) 0

BLACK zhongjunrui | FED China | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nc2	Ne5	41	Rf2	Rc8	61		
2	c4	dc	22	Be5	fe	42	e2	Re3	62		
3	e4	e5	23	Ne3	Rhe8	43	Rf1	Re2	63		
4	Ne3	ed	24	Rfd1	Be6	44	Re1	ke1	64		
5	Qd4	Qd4	25	Nd5	Bd5	45	b2	Rd1	65		
6	Nd4	Bc5	26	ed	kd6	46	b1=Q	Rb1	66		
7	Nf3	b5	27	Be4	g6	47	ab=Q	Ke2+	67		
8	Nc3	Bd7	28	Rd2	Nf5	48	Re8	kd2	68		
9	a4	c6	29	Bf5	gf	49	Qb2	kd1	69		
10	d6	c6	30	f3	e4	50	Re2	c4	70		
11	Nd5	Nd4	31	fe	fe	51			71		
12	Ne5	Be6	32	Re1	Rd4	52			72		
13	Nc3	f6	33	e3	Rdd1	53			73		
14	Nf3	Bb4	34	b4	kf1	54			74		
15	Nd4	Bd7	35	a4	ke2	55			75		
16	Bd2	Bc3	36	b3	kf3	56			76		
17	Bc3	kc7	37	kc3	c5	57			77		
18	Be2	Ng6	38	a3	Rda1	58			78		
19	0-0	Bxb2	39	a2	Re2	59			79		
20	Bf3	Nc6	40	Ra8	Ke2	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Qin Ziming | SIGNATURE (BLACK) zhongjunrui | SIGNATURE (ARBITER) 1/2

12:04 B8-R3-6

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B08 | Round 3 | Date 2026.8.23 | Board 6

WHITE chenxuecheng | FED CHN | RESULT (W) 0
BLACK [illegible] Batbold | FED MGL | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	Nf6	21	Bf7	Rd8	41	Kf1	Kf7	61	Ke2	Ra3
2	Nc3	e6	22	Re7	d4	42	a4	Rd6	62	Kd2	Ra5
3	e4	d5	23	Bd7	Bd5	43	Bc3	Rc6	63	Kc3	Kd5
4	e5	Nfd7	24	Bg6	a6	44	Be1	Kg2	64	Kb4	Rb5+
5	d4	Bb4	25	Rae1	Rac8	45	Kg3	g5	65	Ka4	Kc4
6	Bd2	Bc3	26	Bf5	Ra8	46	a5	ba	66	Be3	Rb3
7	Bc3	0-0	27	Rc7	Re8	47	ba	Kg6	67	Bc1	Rb1
8	Nf3	b6	28	b4	Be1Re1	48	Kh3	h5	68	Ba3	Ra1
9	cd	ed	29	Be1	Re8	49	Kg3	Kf5	69	Ka5	Ra3+
10	Bd3	Bb7	30	Bb8	Ne4	50	Kh3	Re2	70	Kb6	a5
11	0-0	c5	31	Bg6	Rf8	51	Bg3	g4+	71	Ka6	a4
12	Re1	Re8	32	Be1	d3	52	fg+	hg+	72	Ka5	Ra1
13	Bf5	Nf8	33	Be4	Be4	53	Kh4	Rg2	73	Ka6	a3
14	ad2	Nbd7	34	f3	Bg6	54	h3	g4	74	Kb6	a2
15	g5	Qg5	35	Rd7	Bf5	55	Kh3	Rh2	75	Kc6	Rd1
16	Ng5	h6	36	Rd5	Re8	56	Bc7	Ra3+	76	Kb6	Qa4#
17	fe	e6	37	Kf1	Be6	57	Kg2	Ke4	77	Kc6	Qa6+
18	Ne6	Kh8	38	Re5	d2	58	Kf2	Rc3	78	Kc7	Qd6+
19	dc	Ne6	39	Re6	Re6	59	Bb6	Rb3	79	Kc8	Qd7#
20	Be6	Nc5	40	Bd2	Kg8	60	Ba7	Rb3+	80	Kb8	Rb7#

SIGNATURE (WHITE) chen xuecheng | SIGNATURE (BLACK) [illegible] MGL | SIGNATURE (ARBITER)

12:04 B8-R3-6

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B08 | Round 3 | Date 2026.8.23 | Board 6

WHITE Chen Xuecheng | FED CHN | RESULT (W) 0
BLACK [illegible] Batbold | FED MGL | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	Nf6	21	Bf7	Rad8	41	Kf1	Kf7	61	Ke2	Ra3
2	Nc3	e6	22	Re7	d4	42	a4	Rd6	62	Kd2	Ra5
3	e4	d5	23	Bd7	Bd5	43	Bc3	Rc6	63	Kc3	Kd5
4	e5	Nfd7	24	Bg6	a6	44	Be1	Kg2	64	Kb4	Rb5+
5	d4	Bb4	25	Rae1	Ra8	45	Kg3	g5	65	Ka4	Kc4
6	Bd2	Bc3	26	Bf5	Ra8	46	a5	ba	66	Be3	Rb3
7	Bc3	0-0	27	Rc7	Re8	47	ba	Kg6	67	Bc1	Rb1
8	Nf3	b6	28	b4	Be1Re1	48	Kh3	h5	68	Ba3	Ra1
9	cd	ed	29	Be1	Re8	49	Kg3	Kf5	69	Ka5	Ra3+
10	Bd3	Bb7	30	Bb8	Ne4	50	Kh3	Re2	70	Kb6	a5
11	0-0	c5	31	Bg6	Rf8	51	Bg3	g4+	71	Ka6	a4
12	Re1	Re8	32	Be1	d3	52	fg+	hg+	72	Ka5	Ra1
13	Bf5	Nf8	33	Be4	Be4	53	Kh4	Rg2	73	Ka6	a3
14	ad2	Nbd7	34	f3	Bg6	54	h3	g4	74	Kb6	a2
15	g5	Qg5	35	Rd7	Bf5	55	Kh3	Rh2	75	Kc6	Rd1
16	Ng5	h6	36	Rd5	Re8	56	Bc7	Ra3+	76	Kb6	Qa4#
17	fe	e6	37	Kf1	Be6	57	Kg2	Ke4	77	Kc6	Qa6+
18	Ne6	Kh8	38	Re5	d2	58	Kf2	Rc3	78	Kc7	Qd6+
19	dc	Ne6	39	Re6	Re6	59	Bb6	Rb3	79	Kc8	Qd7#
20	Be6	Nc5	40	Bd2	Kg8	60	Ba7	Rb3+	80	Kb8	Rb7#

SIGNATURE (WHITE) chen xuecheng | SIGNATURE (BLACK) [illegible] MGL | SIGNATURE (ARBITER)

12:04 B8-R3-6

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B08 | Round 3 | Date 2026.8.23 | Board 6

WHITE Chen Xuecheng | FED CHN | RESULT (W) 0
BLACK [illegible] Batbold | FED MGL | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Ka8	Qb7#	21			41			61		
2			22			42			62		
3			23			43			63		
4			24			44			64		
5			25			45			65		
6			26			46			66		
7			27			47			67		
8			28			48			68		
9			29			49			69		
10			30			50			70		
11			31			51			71		
12			32			52			72		
13			33			53			73		
14			34			54			74		
15			35			55			75		
16			36			56			76		
17			37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) chenxuecheng | SIGNATURE (BLACK) [illegible] MGL | SIGNATURE (ARBITER)

9:28 B8-R3-7

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U8 | Round R3 | Date 23rd August | Board 7

WHITE Hori, Lihito | FED JPN | RESULT (W) 0

BLACK Mohd Nur Al Sufi, Muhd Ayub | FED MAS | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	~~g5~~	a5	41			61		
2	Nf3	d6	22	Re6!	BxC4	42			62		
3	g3	g6	23	Ra1	Be6	43			63		
4	Bg2	Bg7	24	Rxa3	Rd1+	44			64		
5	0-0	0-0	25	Bf1	Bh3	45			65		
6	c4	Nbd7	26	Ra1	Rxa1	46			66		
7	Nc3	c5	27	Rb1	Rxb1	47			67		
8	Bf4	cxd4	28	Kh1	Rxc4#	48			68		
9	~~Nd4~~	e5	29			49			69		
10	Be3	Bxd4	30			50			70		
11	Nc5	Rc1	31			51			71		
12	Be6	Na4	32			52			72		
13	Qa5	NxC5	33			53			73		
14	edxc5	Bc3	34			54			74		
15	~~R~~Qd8	Qb3	35			55			75		
16	Ng4	a3	36			56			76		
17	Nxe3	Qxe3	37			57			77		
18	Bxb2	Rb1	38			58			78		
19	Qxa3	~~Qxa3~~ Bxa3	39			59			79		
20	~~Bxa3~~ Bxa3	Rxb7	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Hori Lihito | SIGNATURE (BLACK) Ayub | SIGNATURE (ARBITER)

9:28 B8-R3-7

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U08 | Round ~~2~~ 3 | Date 23/8/26 | Board 7

WHITE Hori Lihito | FED JPN | RESULT (W) 0

BLACK Muhammad Ayub | FED MAS | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rxb7	g5	41			61		
2	Nf3	d6	22	Rfb1	Bxc4	42			62		
3	g3	g6	23	Ra1	Be6	43			63		
4	Bg2	Bg7	24	Rxa3	Rd1+	44			64		
5	0-0	0-0	25	Bf1	Bh3	45			65		
6	c4	Nbd7	26	Ra1	Rxa1	46			66		
7	Nc3	c5	27	Rb1	Rxb1	47			67		
8	Bf4	cxd4	28	Kh1	Rxf1	48			68		
9	Nxd4	e5	29			49			69		
10	Be3	Qd7	30			50			70		
11	Bxd4	Nc5	31			51			71		
12	Rc1	Be6	32			52			72		
13	Na4	Qa5	33			53			73		
14	Nxc5	dxc5	34			54			74		
15	Be3	Rad8	35			55			75		
16	Qb3	Ng4	36			56			76		
17	a3	Nxe3	37			57			77		
18	Qxe3	Bxb2	38			58			78		
19	Rb1	Qxa3	39			59			79		
20	Qxa3	Bxa3	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Hori Lihito | SIGNATURE (BLACK) Ayub | SIGNATURE (ARBITER)

10:25 B8-R3-8

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group
Round 3
Date 8月8日
Board 8

WHITE Xu Yuhao FED CHN RESULT (W) 0
BLACK Lichong Yun FED CHN RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Be3	Bc6	41	Kh5	Bh7	61		
2	Bf4	Nf6	22	Nf3	c4	42	g6	Rd5	62		
3	Nf3	c5	23	d5	b5	43	Kg4	Bg6	63		
4	Nf3	Nc6	24	Rd6	Ne5	44	Bf7	Ke3	64		
5	c3	Bg4	25	Kf8	Nc6	45		g5	65		
6	Nbd2	Qb6	26	g4	fe	46	Bh5	bg3	66		
7	a4	Qb3	27	Ng4	Kfe	47		Ke7	67		
8	cd	Qd1	28	Nf2	Nf6	48	Kf2	g4	68		
9	e6	Be2	29	Re6	Bc6	49	Kg2	Rd2	69		
10	Re1	Be7	30	g5N	Nd5	50	Kg1	g3	70		
11	0-0	0-0	31	Nd5	Ne4	51	Kf1	g2	71		
12	b4	a6	32	Re8		52	Kg1	Be3	72		
13	b5	a6	33	Kf2	Bh2	53	Kh2	Rd1	73		
14	Bb5	Kf8	34	Nf3	Nc3	54	Kg3	g1=Q	74		
15	Rg8	Rg8	35	Rh1	Bb5	55	Kf3	Rd3	75		
16	Bc6	Bc4	36	Rh2	Be4	56	Kf4	Rg3	76		
17	Nbd2	Bc6	37	Kg4	Bc6	57	Ke5	Re3#	77		
18	Re1	Bb5	38	Rh7	Re4	58			78		
19	b3	Nh5	39	Kh5	Rd4	59			79		
20	Be3	Nc5	40	Kg6	Be4	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Xu Yuhao
SIGNATURE (BLACK) Lichong Yun
SIGNATURE (ARBITER) YZ

10:25 B8-R3-8

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group 6A
Round 3
Date
Board 8

WHITE ~~Licho~~ Xu Yuhao FED RESULT (W) ~~0~~ 1
BLACK ~~Xu Yuhao~~ Eichong Yun FED RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Kf7→c4		41	Kh5	Bxh7	61		
2	Bf4	Nf6	22	dxc4→	bxc4	42	g6	Rd5	62		
3	e3	c5	23	Ba6	Ne5	43	Kg4	Bxg6	63		
4	Nf3	Nc6	24	Kf6→	Nxc6	44	Kf4	Bf7	64		
5	c3	Bg4	25	f4→	g4	45	Ke3	g5	65		
6	Nbd2	Qb6	26	fxe3→	Ne4	46	Kf3	Bh5	66		
7	Qb3	Qb3	27	exf2+	Nxf2	47	Kf2→	Kf2	67		
8	axb3	cxd4	28	Nf6→	Rxe6	48	g4	→Kg2	68		
9	exd4	e6	29	Bxc6	Re1	49	Kd2	→Kg1	69		
10	Be2	Be7	30	Bd6→	g5	50	g3	→Kf1	70		
11	0-0	0-0	31	Nd5→	Ne4	51	g2	→Kg1	71		
12	b4	b5	32	Re8	Kf2	52	Bf3	→Kg2	72		
13	axb5	Bxb5	33	Bxh2+	Bxh2	53	Rd1	→Kg3	73		
14	Rfc8	Rxa8	34	Nf3	Nc3	54	g1=Q	→Kxf3	74		
15	Rxa8	Bxc6	35	Rh1	Bd5	55	Rd3	→Kf4	75		
16	bxc6	Ne5	36	Rh2	Be4	56	Qg5	→Kf1	76		
17	Be2	Rc1	37	Kg4	Bxc6	57			77		
18	Bb5	Rb3	38	Rh7	Re4	58			78		
19	Nh5	Be3	39	Kh5	Rd4	59			79		
20	Bf5	Nc4	40	Kg6	Be4	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Xu Yuhao
SIGNATURE (BLACK) ~~Xu Yuhao~~ Lichong Yun
SIGNATURE (ARBITER) YZ

10:15 B8-R3-9

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 3 | Date | Board 9

WHITE Anderson | FED | RESULT (W) 1

BLACK Tsin RPui Sing Jonathan | FED | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qxb6	gx[illegible]	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	f4	exf4	42			62		
3	d4	exd4	23	gxf4	Rd8	43			63		
4	Nxd4	Nxd4	24	Rg1	Nh5	44			64		
5	Qxd4	Nf6	25	Bh3+	Kf7	45			65		
6	e5	Qe7	26	Nf6	f4	46			66		
7	Be3	Ng8	27	[illegible]	[illegible] 96	47			67		
8	Nc3	c6	28	f5	gxf5	48			68		
9	Nd5	fxe5	29	Bxf5	h6	49			69		
10	Qxc4	Qd8	30	Rg7+	Kf8	50			70		
11	Nxc7	Ke7	31	d4	Kd8	51			71		
12	Nxa8	Nf6	32	Rd6	Rxe6	52			72		
13	Bc5+ 9-0-0	Ke8 d5	33	Rxe6	Rc7	53			73		
14	Qb4	Bxc5	34	h5	Rd6	54			74		
15	Qxc5	Bg4	35	Rh6	Kd8	55			75		
16	Nc7+	Kf7	36			56			76		
17	f3	Be6	37			57			77		
18	Nxe6	Kxe6	38			58			78		
19	[illegible]		39			59			79		
20	g3	Qb6	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Anderson | SIGNATURE (BLACK) Jon | SIGNATURE (ARBITER) YZ

10:15 B8-R3-9

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U8 | Round 3 | Date | Board 9

WHITE Anderson | FED HKG | RESULT (W) 1

BLACK Jonathan | FED HKG | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qxa6	a b	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	f4	ef	42			62		
3	d4	ed	23	gf	Rd8	43			63		
4	Nd4	Nxf	24	Rg1	Nh5	44			64		
5	Qxf	Nf6	25	h3	Kf7	45			65		
6	e5	Qe7	26	Rg?	Nf6	46			66		
7	Be3	Ng8	27	Rd1	96	47			67		
8	Nc3	f6	28	f5	of	48			68		
9	Nd5	fe	29	gf5	h6	49			69		
10	Qc4	Qd8	30	Rg7	Kf8	50			70		
11	Nc7	Ke7	31	Be6	d4	51			71		
12	NxR	Nf6	32	Bf7	Kd8	52			72		
13	0-0-0	dc5	33	RxN	Rd6	53			73		
14	Bc5	Kd8	34	Rg7	Qxf6	54			74		
15	Qh4	Bxf6	35	Rxf7	Kf8	55			75		
16	Qxf	B g	36	Rg	h0	56			76		
17	N c7	K	37	Rd6	Ke8	57			77		
18	f3	Be6	38	Rh6	Kd8	58			78		
19	Nxe6	Kxe6	39	Rg7		59			79		
20	g3	Qb6	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Anderson | SIGNATURE (BLACK) Jon | SIGNATURE (ARBITER) YZ

11=12 B8-R3-10

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 3 | Board 10 | Date 8月2[illegible]日

WHITE Su Shi Xiu | FED | RESULT (W) 0

BLACK Arhawin Koraviyothin | FED | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	N[illegible]	cd	41	Qh2	[illegible]			
2	Nf3	Nc6	22	[illegible]	[illegible]	42	Kf2	f5	62		
3	d4	ed	23	[illegible]	[illegible]	43	Qh3	Qd2+	63		
4	Bc4	Bc5	24	[illegible]	[illegible]	44	Kg1	Qd4	64		
5	c3	Nf6	25	[illegible]	[illegible]	45	Kh2	b6	65		
6	cd	Bb4+	26	[illegible]	[illegible]	46	Rc3	Qd2+	66		
7	Bd2	Bxd2+	27	Kg1	Bd3	47	Kg1	Qe1	67		
8	Nxd2	d6	28	63	Ra3	48	Kh2	Qh1+	68		
9	h3	0-0	29	e6	fxe7	49	Kg3	Qg1+	69		
10	0-0	Nd7	30	[illegible]	[illegible]	50	Nxg2	Bxg2	70		
11	Re1	Ng6	31	[illegible]	[illegible]	51	Qxg2	Qe1+	71		
12	e5	de	32	[illegible]	[illegible]	52	Kh2	Re2	72		
13	de	Nd5	33	[illegible]	Be4	53	Rc2	Rxg2+	73		
14	Ne4	Ng4+	34	[illegible]	Bg6	54	Rxg2	a4	74		
15	Qb3	Be6	35	f4	Be4	55			75		
16	Rad1	a5	36	c5	[illegible]	56			76		
17	a4	Qd7	37	Rxe8+	Qxe8	57			77		
18	[illegible]	[illegible]	38	Qd4+	Kh8	58			78		
19	Re4	Qc8	39	Re3	Rc6	59			79		
20	Re1	Nxg2	40	Qe2	Qxd4	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Su Shixiu | SIGNATURE (BLACK) [illegible] | SIGNATURE (ARBITER)

Arawin

11=12

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B08 | Round 3 | Board 10 | Date

WHITE Su Shixiu | FED | RESULT (W) 0

BLACK Koraviyothin Koraviyothin | FED | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Nxd5	cxd5	41	Qh2	Qd4+	61		
2	Nf3	Nc6	22	Kxg7	dxc4	42	Kf2	f5	62		
3	d4	exd4	23	Qc3	Bxb2+	43	Qh3	Qd2+	63		
4	Bc4	Bc5	24	Kh2	Qg4	44	Kg1	Qd4	64		
5	c3	Nf6	25	R91	Qh5	45	Kh2	g6	65		
6	cxd4	bb4+	26	R93	Be1+	46	Rc3	Qd2+	66		
7	bd7	Bxd2+	27	Kg1	Bd3	47	Kg1	Qe1+	67		
8	Nxd2	d6	28	b3	Ra8	48	Kh2	Qd1+	68		
9	h3	0-0	29	e6	f6	49	Kg3	Qg1+	69		
10	0-0	Nc7	30	e7	Re8	50	Ng2	Bxg2	70		
11	Be2	Ng4	31	bxc4	Bf5	51	Qxg2	Qe1+	71		
12	e5	dxe5	32	Rd8	Qf1	52	Kh2	Re1	72		
13	dxe5	Nd5	33	Nh4	Be4	53	Rc2	Rxg2+	73		
14	Ne4	Ng4+	34	Kg3	Bg6	54	Rxg2	A4	74		
15	Qb3	Be6	35	f4	Be4	55			75		
16	Rad1	a5	36	c5	Qe7	56			76		
17	a4	Qd7	37	Rxe8	Qxe8	57			77		
18	Nc3	c6	38	Qc4+	Kh8	58			78		
19	Re4	Qc8	39	Re3	Re6	59			79		
20	Re1	Nxg2	40	Qe2	Qxa4	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Su Shixiu | SIGNATURE (BLACK) [illegible] | SIGNATURE (ARBITER)

Arahavin

11:13 B8-R3-11 11:10

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 3 | Date | Board 11

WHITE	TUShi9	FED MGL	RESULT (W) 1
BLACK	Tse Hin Yi	FED HKG	RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bd3	Bxh2+	41	b5	~~Rcxb5~~	61	Rc2+	Kd3
2	c4	c6	22	Kxh2	Qg2+	42	Bxb5	Rc8	62	Rxg2	Qh8
3	Nc3	Nf6	23	Qxg2	Bxg2	43	Rc1	h5	63	h3	R h7
4	e3	Bf5	24	~~Nd7~~ Kxg2	Nd7	44	Bd3	Rf8	64	Kg1	Rxh3+
5	Nf3	e6	25	b4	Rfd8	45	c6	Bxc6	65	Kg	
6	Be2	Be7	26	a4	e5	46	Rcxc6	g4	66		
7	0-0	0-0	27	Bb2	Re8	47	Rg6+	Kh8	67		
8	b3	Ne4	28	Bc4	Re7	48	Rh6+	Rh7	68		
9	Nxe4	dxe4	29	dxe5	Rf8	49	Rxh7+	Kxh7	69		
10	Nd2	Bd6	30	Rf3	Nxe5	50	Kh6	Rxa7	70		
11	c5	Bc7	31	Bxe5	Rxe5	51	Kg5	g5	71		
12	Bb2	Qh4	32	~~Kg2~~ Rc1	Re7	52	Kh4	Rg7	72		
13	f4	exf3	33	Kg3	g6	53	Rb8	Be2	73		
14	Nxf3	Qh6	34	Kg2	Kg7	54	Kh3	a6	74		
15	Bc1	Be4	35	Kg3	f5	55	Ra8	a7	75		
16	h3	Qg6	36	Re1	Rfe8	56	h4	Bf1+	76		
17	Qe1	Bg3	37	Kf2	Re4	57	Kh2	Bg2	77		
18	Qd1	~~Qd2~~ Bc2	38	Rf4	Re5	58	g3+	Kf1	78		
19	Qd2	Bf5	39	Rd4	Re7	59	Rc6	a8=Q	79		
20	Nh2	Bxh3	40	Rd6	g5	60	Rc1+	Ke2	80		

SIGNATURE (WHITE) TUShi9 | SIGNATURE (BLACK) Tse Hin Yi | SIGNATURE (ARBITER) yz

11:13 B8-R3-11 11:10

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 3 | Date 9/1/26 | Board 11

WHITE	TUShi9	FED MGL	RESULT (W) 1
BLACK	Tse Hin Yi	FED HKG	RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Kh2	Qxg2	41	b5	Qxb5	61		
2	c4	c6	22	Qxg2	Bxh2+	42	Rc8	Rc8	62		
3	Nc3	Nf6	23	Kxh2	Nd7	43	Rc7	Rc8	63		
4	e3	Bf5	24	Rfd8	Bc8	44	Bc8	Rf8	64		
5	Nf3	e6	25	d4	Bb4	45	Ra8	Qxa8	65		
6	Bd2	Be7	26	Rc8	Bc5	46	Rxa8	Qa7	66		
7	0-0	0-0	27	Rxc5	dxc5	47	Rb7	Rb7	67		
8	b3	Nc6	28	Rc8	Rc3	48	Rb7	Rb7	68		
9	Nxc4	dxc4	29	Rc3	Nxc5	49	Rxb7	Rxb7	69		
10	Nd2	Nc6	30	Bxc5	Rxc5	50			70		
11	c5	Be7	31	Rc7	Bc8	51			71		
12	Bc3	Qh4	32	Kg3	h6	52			72		
13	f4	Qxf4+	33	Kg3	Kg7	53			73		
14	Nxf3	Qg5	34	Kg3	Rb8	54			74		
15	Bc1	Bb7	35	Rc1	Rb7	55			75		
16	h3	Qg6	36	Rc6	Rb6	56			76		
17	Qe1	Bg3	37	Rxb6	Qxb6	57			77		
18	Qd1	Qc6	38	Rd1	Rb6	58			78		
19	Qd2	Bf5	39	g5	Rb7	59			79		
20	Nh2	Bg3	40	Rd6	g5	60			80		

SIGNATURE (WHITE) TUShi9 | SIGNATURE (BLACK) Tse Hin Yi | SIGNATURE (ARBITER) yz

10:38 B8 - R3 - 12

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B8 | Round: 3 | Date: | Board: 12

WHITE: Lee Jia Le Jayden | FED: SGP | RESULT (W): 1
BLACK: Aldarjavkhlan Jambalsuren | FED: MGL | RESULT (B): 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Qh6+	Bg7	41			61		
2	d4	d5	22	Qxg7#		42			62		
3	Nc3	dxe4	23			43			63		
4	Nxe4	Nd7	24			44			64		
5	Nf3	Ngf3	25			45			65		
6	Nxf6+	Nxf6	26			46			66		
7	Be3	Bd6	27			47			67		
8	Bd3	0-0	28			48			68		
9	Qe2	b6	29			49			69		
10	0-0-0	h6	30			50			70		
11	Ne5	Bb7	31			51			71		
12	Qd2	Nd5	32			52			72		
13	Bxh6!	gxh6	33			53			73		
14	Qxh6	Nf6	34			54			74		
15	g4!!	Re8	35			55			75		
16	g5	Bf8	36			56			76		
17	Qh4	Bg7	37			57			77		
18	gxf6	Bxf6	38			58			78		
19	Qh5	Qe7	39			59			79		
20	Rhg1	Kf8	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE): Jayde nLee | SIGNATURE (BLACK): | SIGNATURE (ARBITER):

10:38 B8 - R3 - 12

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B08 | Round: 3 | Date: 2026.8.23 | Board: 12

WHITE: Lee, Jia Le Jayden | FED: SGP | RESULT (W): 1
BLACK: Aldarjavkhlan, Jambalsuren | FED: MGL | RESULT (B): 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Qh6	Bg7	41			61		
2	d4	d5	22	Qg7		42			62		
3	Nc3	de4	23			43			63		
4	Ne4	Nd7	24			44			64		
5	Nf3	Nf6	25			45			65		
6	Nf6	Nf6	26			46			66		
7	Be3	Bd6	27			47			67		
8	Bd3	0-0	28			48			68		
9	Qe2	b6	29			49			69		
10	0-0-0	h6	30			50			70		
11	Ne5	Bb7	31			51			71		
12	Qd2	Nd5	32			52			72		
13	Bh6	g6	33			53			73		
14	Qh6	Nf6	34			54			74		
15	g4	Re8	35			55			75		
16	g5	Bf8	36			56			76		
17	Qh4	Bg7	37			57			77		
18	gf6	Bf6	38			58			78		
19	Qh5	Qe7	39			59			79		
20	Rg1	Kf8	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE): Jaydc nLee | SIGNATURE (BLACK): | SIGNATURE (ARBITER):

10:43 B8-R3-13

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 3 | Date 2026.8月23日 | Board 13

WHITE xie jin yan | FED CHN | RESULT(W) 1
BLACK Balthazar Chow | FED HKG | RESULT(B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 1.20'	c6 1.30	21	hGN9	9551'	41			61		
2	d4 1.31'	d5 1.31'	22	fgN8'	Qd5-43'	42			62		
3	Nc3 1.20'	Ne4 1.31'	23	Qd3 1.15'	Bc3 1.11'	43			63		
4	Bf5 1.31'	N93 1.31'	24	Qa1 1.40'	K d1 1.41'	44			64		
5	h4 1.31'	h6 1.32'	25	N 96 1.40	Rd8 39'	45			65		
6	Nf3 1.31'	Nf6 1.32'	26	N87 1.41'	Re7 40	46			66		
7	h5 1.30'	Bh7 1.32'	27	Qb6 1.9'	fg 39'	47			67		
8	Bd3 1.30'	Bd3 1.32'	28	Qg6 1.9'	Kf8 39	48			68		
9	Bd3 1.30'	e6 1.31'	29	Q98 1.10'		49			69		
10	Qd3 1.30'	Nd7 1.31'	30			50			70		
11	00 1.30'	Be7 1.30'	31			51			71		
12	N e4 1.30'	Ne4 1.28'	32			52			72		
13	Q e4 1.30'	0-0 1.27'	33			53			73		
14	g4 1.28'	Nf6 1.24'	34			54			74		
15	Bf7 1.27'	Bd6 1.24'	35			55			75		
16	N e5 1.27	Nh7 1.42'	36			56			76		
17	Rdg1 1.23'	Ng5 1.4'	37			57			77		
18	Qe3 1.22'	Be7 59'	38			58			78		
19	f4 1.21	Nh7 58'	39			59			79		
20	g5 1.21	Ng5 4'	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) xie jin yan | SIGNATURE (BLACK) Balthazar | SIGNATURE (ARBITER)

10:43 B8-R3-13

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B08 | Round 3 | Date August 22nd 2026 | Board 13

WHITE xie jin yan | FED | RESULT(W) 1
BLACK Balthazar | FED | RESULT(B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	g5	xg5	41			61		
2	d4	d5	22	h6	g6	42			62		
3	Nc3	xe4	23	xg5	Qd5	43			63		
4	Nxe4	Bf5	24	Qd3	Qxg2	44			64		
5	Ng3	Bg6	25	Bc3	Qa1+	45			65		
6	h4	h6	26	Kd2	Qa2	46			66		
7	Nf3	Nf6	27	Nxg6	Re8	47			67		
8	h5	Bh7	28	Nxe7	Rxe7	48			68		
9	Bd3	Bxd3	29	g6	xg6	49			69		
10	Qxd3	e6	30	Qxg6	Kf8	50			70		
11	Bd2	Nbd7	31	Qg8#		51			71		
12	0-0	Be7	32			52			72		
13	Ne4	Nxe4	33			53			73		
14	Qxe4	0-0	34			54			74		
15	g4	Nf6	35			55			75		
16	Qf4	Bd6	36			56			76		
17	Ne5	Nh7	37			57			77		
18	Rdg1	Ng5	38			58			78		
19	Qe3	Be7	39			59			79		
20	f4	Nh7	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) xie jin yan | SIGNATURE (BLACK) Balthazar | SIGNATURE (ARBITER)

10:22 B8-R3-14

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B8 | Round: 3 | Date: 28/8/26 | Board: 14

WHITE: Brandon | FED: Sgp | RESULT (W): 1
BLACK: Yanwen | FED: Chn | RESULT (B): 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qxa6	Qd7	41	Qg6	a5	61		
2	Nf3	Nc6	22	h3	Qf5	42	Ne6	a4	62		
3	Bc4	Bc5	23	Qxc6	Rc8	43	Qxg7#		63		
4	c3	Nf6	24	Nd5	Qb4	44			64		
5	d4	exd4	25	kh2	Rd8	45			65		
6	e5	d5	26	Ne3	Rc8	46			66		
7	Bb5	~~Nd7~~ Nc7	27	Qd7	Rb8	47			67		
8	cxd4	0-0	28	Qxc7	Ra8	48			68		
9	dxc5	Nxc5	29	Qc2	Qa1	49			69		
10	Bxc6	bxc6	30	Qe4	Rc8	50			70		
11	0-0	Qc8	31	Nc2	Qb1	51			71		
12	Nc3	h6	32	Nfd4	Qc3	52			72		
13	Bf4	Ba6	33	e6	Rxa3	53			73		
14	Bg3	Bxf1	34	exf7+	kxf7	54			74		
15	Qxf1	d4	35	Qd5+	kf8	55			75		
16	Rd1	d3	36	Nxa3	Qxb4	56			76		
17	b4	Na6	37	Bd6+	Qxd6+	57			77		
18	Rxd3	Qb8	38	Qxd6+	kf7	58			78		
19	a3	Rd8	39	Nc4	a6	59			79		
20	Rxd8+	Qxd8	40	Ne5+	kg8	60			80		

SIGNATURE (WHITE): Brandon
SIGNATURE (BLACK): Jiang Yanwen
SIGNATURE (ARBITER): YZ

10:22 B8-R3-14

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B8 | Round: 3 | Date: | Board:

WHITE: Brandon | FED: Sgp | RESULT (W): 1
BLACK: Jiang Yanwen | FED: CHN | RESULT (B): 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qxa6	Qd7	41	Qg6	a5	61		
2	Nc3	Nc6	22	h3	Qe6	42	Ne6	a5	62		
3	Bc4	Bc5	23	Qxc6	Rc8	43	Qxg7#		63		
4	c3	Nf6	24	~~Nd5 Kh2 Qb4~~		44			64		
5	d4	e4	25	Kh2	Rd8	45			65		
6	e5	d5	26	Ne3	Kc8	46			66		
7	Bb5	Nd7	27	Qd7	Rb8	47			67		
8	c6	0-0	28	Qxb7	Ra8	48			68		
9	dc	Nxc5	29	Qc2	Qa1	49			69		
10	Bxc6	bc	30	Qe4	Rc8	50			70		
11	0-0	Rc8	31	Nc2	Qb1	51			71		
12	Nc3	h6	32	Nfd4	Rc3	52			72		
13	Bf4	Ba6	33	e6	Rxa3	53			73		
14	Bg3	Qxf1	34	exf7+	kxf7	54			74		
15	~~Qxf1~~	d4	35	Qd5+	ke1	55			75		
16	Rd1	d3	36	Nxa3	Qxb4	56			76		
17	b4		37	Bd6+	Qxd6	57			77		
18	Rd3	Qb8	38	Qxd6+	Kf7	58			78		
19	a3	Rd8	39	Nc4	a6	59			79		
20	Rxd8+	Qxd8	40	Ne5+	Kg8	60			80		

SIGNATURE (WHITE): Brandon
SIGNATURE (BLACK): Jiang Yanwen
SIGNATURE (ARBITER): YZ